

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HS-ST

Ngày: 22 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Truyền;

Bà Trương Thị Như Ý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**

Ông Trần Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Bà Bùi Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa sơ thẩm công khai trực tiếp xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Châu Trọng H**, sinh năm 2003, tại Long An; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Minh P, sinh năm 1986 (còn sống) và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1985 (còn sống); bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 13/11/2023; tạm giam: Từ ngày 15/11/2023; Hiện bị cáo đang bị tạm giam (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1970; (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Châu Minh P, sinh năm 1986; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

** Người làm chứng:*

Châu Ngọc G, sinh năm 1974; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Nguyễn Thanh H, sinh năm 1996; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 2004; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Châu Trọng H thường trú tại ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An và đang là công nhân làm thuê tại Công ty T thuộc khóm 1, thị trấn M, huyện T. Do muốn có nhiều tiền để tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động, Hiếu nảy sinh ý định đến các tiệm vàng trên địa bàn thị trấn M, huyện T vờ hỏi mua vàng để tìm cơ hội cướp giật.

Khoảng 05 giờ ngày 12 tháng 11 năm 2023, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 62E1 - 194.41 đi từ nhà đến khu vực chợ T thuộc khóm 4, thị trấn M, huyện T. Tại đây, bị cáo H điều khiển xe đi vòng quanh chợ tìm tiệm vàng đang mở cửa. Đến khoảng 07 giờ 20 phút cùng ngày, bị cáo phát hiện tại tiệm vàng K thuộc khóm 4, thị trấn M, huyện T đang không có khách mua hàng, người bán là nữ, không có bảo vệ và đường tẩu thoát thông thoáng. Lúc này, bị cáo đậu xe dưới lòng đường, cầm sẵn chìa khóa rồi đi vào tiệm. Bị cáo H đứng ngay trước tủ trưng bày vàng, yêu cầu chị Bùi Thị Thanh T là chủ tiệm vàng cho xem nhiều loại vàng trang sức với mục đích làm chị T mất cảnh giác. Đến khi chị T lấy chiếc nhẫn và một chiếc lắc đeo tay đưa cho bị cáo đeo thử, bị cáo liền lấy nhẫn và lắc vàng bỏ vào trong túi áo khoác nhanh chóng bỏ chạy ra ngoài, lên xe tẩu thoát. Trên đường đi, bị cáo làm rớt chiếc nhẫn vàng xuống đường, sợ có người truy đuổi, bị cáo không dừng lại tìm mà tiếp tục đem lắc vàng về nhà cất giấu.

Về phía chị Bùi Thị Thanh T, sau khi xảy ra sự việc đã trình báo đến Công an huyện Tháp Mười. Từ dữ liệu hình ảnh được ghi lại bởi camera giám sát tại hiện trường, xác định được người thực hiện hành vi là bị cáo Châu Trọng

H. Tại Cơ quan điều tra, Hiếu thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp lại tài sản đã cướp giật.

Tại Kết luận định giá số 46/KLĐG ngày 15/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tháp Mười, kết luận tại thời điểm tháng 11/2023, tài sản mà bị hại bị chiếm đoạt gồm: Nhẫn trơn vàng 24k trọng lượng 5 chỉ và Lắc đeo tay vàng 24k trọng lượng 5 chỉ có tổng giá trị là 54.600.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý vật chứng có liên quan như sau:

- 01 chiếc lắc đeo tay vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ của chị Bùi Thị Thanh T, đã trao trả cho chủ sở hữu.

- 01 chiếc nón bảo hiểm màu đen, 01 chiếc áo khoác màu đen, 01 đôi dép bằng nhựa màu trắng là trang phục bị cáo mặc khi phạm tội.

- 01 xe mô tô biển số 62E1 - 194.41 do ông Châu Minh P (cha ruột của bị cáo) đứng tên giấy đăng ký. Ông P cho bị cáo mượn xe để sử dụng, sau đó dùng làm phương tiện để phạm tội, ông P không biết. Cơ quan điều tra đã trao trả xe cho ông P.

- 01 đĩa DVD chứa đoạn video ghi lại hình ảnh bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội.

- Đối với chiếc nhẫn vàng bị cáo khai làm rơi trên đường tẩu thoát, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được.

Về trách nhiệm dân sự, bị cáo Châu Trọng H đã tác động cha ruột là ông Châu Minh Phú bồi thường nhẫn vàng không thu hồi được với số tiền 27.300.000 đồng. Chị Bùi Thị Thanh T sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và tiền bồi thường không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKSTM ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định truy tố bị cáo Châu Trọng H ra Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười để xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên, giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng, khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo đã gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo và quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị:

- + Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Châu Trọng H phạm tội “Cướp giật tài sản”;

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Châu Trọng H hình phạt tù 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án tuyên xử:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc nón bảo hiểm màu đen, 01 chiếc áo khoác màu đen, 01 đôi dép bằng nhựa màu trắng.

+ Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa đoạn video ghi lại hình ảnh bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội.

- Bị cáo Châu Trọng H đồng ý xét xử vắng mặt đối với bị hại. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Bùi Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt. Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Minh P xác định cho bị cáo H mượn xe để sử dụng; sau đó bị cáo dùng làm phương tiện để phạm tội thì anh P không biết. Trong quá trình điều tra, anh P đã nhận lại xe xong, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không có yêu cầu gì trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Châu Trọng H tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo cũng thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ thể lực và trí lực nhận thức hành vi của mình; bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật mà vẫn thực hiện; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 54.600.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại một cách trái phép. Quyền sở hữu về tài sản là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến, nhưng vì bản chất lười biếng, tham lam, muốn mau chóng có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động hợp pháp, với ý thức xem thường pháp luật, bị cáo đã có hành vi giả vờ hỏi mua vàng để người bị hại mất cảnh giác để giật lấy chiếc nhẫn và lắc đeo tay bằng vàng loại 24k có tổng giá trị là 54.600.000 đồng của bị hại Bùi Thị Thanh T là chủ tiệm vàng K rồi nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường. Hành vi này không những vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như hôm nay là cần thiết, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; đồng thời, bị cáo đã tự nguyện bồi thường và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ

luật Hình sự; đồng thời, căn cứ Điều 54 Bộ luật Hình sự nhận thấy cần quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

[6] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[7] Cáo trạng số: 17/CT-VKSTM ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Châu Trọng H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, ngoài ra không có yêu cầu gì khác trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của Kiểm sát viên là đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với anh Châu Minh P không biết việc bị cáo sử dụng xe vào mục đích phạm tội nên không xem xét xử lý là phù hợp

[10] Về án phí: Bị cáo Châu Trọng H bị kết tội, bị cáo không thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Châu Trọng H phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Châu Trọng H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Châu Trung H 01 chiếc nón bảo hiểm màu đen, 01 chiếc áo khoác màu đen, 01 đôi dép bằng nhựa màu trắng.

+ Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa đoạn video ghi lại hình ảnh bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội.

Vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười giữ theo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 08/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Châu Trọng H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CQ CSĐT CA huyện Tháp Mười;
- CC THADS huyện Tháp Mười;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi,
Nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA, VPTA ^(Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Ngọc

